

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phố Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91-97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017	11 - 33
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Licogi 14 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), (tên giao dịch là: Licogi 14 Joint Stock Company) tiền thân là Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được thành lập theo Quyết định số 055A/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 02 năm 1993 và số 01/BXD-TCLĐ ngày 02 tháng 01 năm 1996 của Bộ Xây dựng. Công ty Cơ giới và Xây lắp số 14 được chuyển thành Công ty Cổ phần Licogi 14 theo Quyết định số 1453/QĐ-BXD ngày 18 tháng 07 năm 2005 của Bộ Xây dựng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1803000339 ngày 12 tháng 09 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của lần thay đổi gần đây nhất là lần thay đổi thứ bảy ngày 16 tháng 08 năm 2016.

Công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán : L14

Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng.

Cơ cấu vốn	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn cổ phần thuộc Nhà Nước	13.207.690.000	26,42
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	36.792.310.000	73,58
Cộng	50.000.000.000	100,00

2. Trụ sở hoạt động

▪ Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Điện thoại : +84 (210) – 3953 543

Fax : +84 (210) – 3953 542

Mã số thuế : 2 6 0 0 1 0 6 2 3 4

▪ Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Số 249 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

▪ Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng 14.2

Địa chỉ : Tầng 3, Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

▪ Chi nhánh Lào Cai

Địa chỉ : Số 14, đường Nguyễn Công Hoan, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

▪ Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8

Địa chỉ : Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, cho thuê thiết bị, máy công trình.

4. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Gia Lý	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	19/05/2016	-
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	24/03/2014	-
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Thành viên	26/04/2016	-
Ông Trần Thế Bình	Thành viên	24/03/2014	-

4.2 Ban Kiểm soát

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Sim	Trưởng ban	24/03/2014	-
Ông Hoàng Hàng Hải	Thành viên	24/03/2014	-
Ông Hàng Như Thái	Thành viên	24/03/2014	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Gia Lý	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	24/03/2014	-
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	02/04/2014	-
Ông Hà Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	02/04/2014	-
Bà Lê Thị Thanh	Kế toán trưởng	02/04/2014	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>	<i>Ngày miễn nhiệm</i>
Ông Phạm Gia Lý	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	24/03/2014	-

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Licogi 14 cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 34.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng nào hoặc có bản chất bất thường nào khác phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phủ Thọ, ngày 11 tháng 08 năm 2017.

TM. Ban Tổng Giám đốc *(chữ ký)*



PHẠM GIA LÝ
Tổng Giám đốc

S-C
Y
IUU HAN
TU V
VIET
6 CH

Số: 2316/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 14 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2017, từ trang 07 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKH kiểm toán số 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		370.120.958.013	419.788.252.356
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	7.437.738.361	2.569.714.705
111	1. Tiền		7.437.738.361	2.569.714.705
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		33.188.265.875	44.925.717.327
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	29.201.372.801	42.402.839.831
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	4.073.037.375	2.343.558.943
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	463.572.027	179.318.553
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.5	(549.716.328)	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	329.455.044.577	372.252.911.124
141	1. Hàng tồn kho		332.080.444.529	372.252.911.124
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.625.399.952)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.909.200	39.909.200
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		39.909.200	39.909.200
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.152.350.785	25.453.736.354
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		209.069.000	209.069.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		209.069.000	209.069.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		10.841.315.365	12.189.108.365
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	9.098.890.365	10.378.505.365
222	- Nguyên giá		89.007.554.151	89.007.554.151
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(79.908.663.786)	(78.629.048.786)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	1.742.425.000	1.810.603.000
228	- Nguyên giá		2.506.913.401	2.506.913.401
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(764.488.401)	(696.310.401)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		59.506.000	4.612.461.934
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	59.506.000	4.612.461.934
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.042.460.420	8.443.097.055
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.10	3.008.641.961	3.082.434.148
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.11	4.033.818.459	5.360.662.907
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		388.273.308.798	445.241.988.710

N.032
TR
KI
VI

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		273.600.427.178	355.087.659.320
310	I. Nợ ngắn hạn		273.600.427.178	355.087.659.320
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	9.876.320.771	15.942.821.668
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	208.135.342.924	280.161.564.453
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	2.126.589.163	3.239.337.748
314	4. Phải trả người lao động		474.769.271	1.231.607.113
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.15	12.137.580.938	7.671.222.262
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.16	32.685.815.535	40.283.616.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	8.164.008.576	6.557.490.076
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		114.672.881.620	90.154.329.390
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	114.672.881.620	90.154.329.390
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		840.689.000	840.689.000
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(2.000.000)	(2.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.598.104.961	11.598.104.961
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.236.087.659	27.717.535.429
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		25.837.316.929	6.158.977.968
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		26.398.770.730	21.558.557.461
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		388.273.308.798	445.241.988.710

Người lập biểu



HÀ VĂN LỢI

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THANH

Phụ Thọ, ngày 11 tháng 8 năm 2017.

Giám Đốc




PHẠM GIA LÝ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	141.681.580.133	82.938.875.436
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		141.681.580.133	82.938.875.436
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	96.061.456.845	65.252.324.317
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		45.620.123.288	17.686.551.119
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	6.077.731	17.354.183
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	1.745.396.361	1.167.646.355
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.745.396.361	1.167.646.355
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	7.053.665.397	1.982.182.019
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	3.721.475.639	2.847.592.760
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.105.663.622	11.706.484.168
31	11. Thu nhập khác		-	19.953.795
32	12. Chi phí khác		-	312.001.000
40	13. Lợi nhuận khác		-	(292.047.205)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.105.663.622	11.414.436.963
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.7	5.380.048.444	1.902.702.157
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.8	1.326.844.448	511.712.620
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.398.770.730	9.000.022.186
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	4.904	2.088
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	4.904	2.088

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phú Thọ, ngày 11 tháng 8 năm 2017.

Giám Đốc



HÀ VĂN LỢI



LÊ THỊ THANH



PHẠM GIA LÝ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		33.105.663.622	11.414.436.963
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.262.227.910	2.762.734.377
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		1.347.793.000	1.632.396.000
03	- Các khoản dự phòng		3.175.116.280	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.077.731)	(37.307.978)
06	- Chi phí lãi vay		1.745.396.361	1.167.646.355
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		39.367.891.532	14.177.171.340
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		12.514.579.572	(3.096.358.485)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		44.784.928.529	15.849.695.408
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(75.711.702.326)	(35.760.989.700)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		73.792.187	2.308.956.117
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.745.396.361)	(818.767.605)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.491.140.743)	(2.675.456.827)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(273.700.000)	(2.262.792.350)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		12.519.252.390	(12.278.542.102)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(59.506.000)	(164.636.365)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.077.731	17.354.183
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(53.428.269)	(147.282.182)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		11.127.963.535	20.155.274.970
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(18.725.764.000)	(17.169.358.580)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.597.800.465)	2.985.916.390
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		4.868.023.656	(9.439.907.894)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.569.714.705	18.782.905.480
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	7.437.738.361	9.342.997.586

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phụ Thọ, ngày 11 tháng 8 năm 2017.

Giám Đốc

HÀ VĂN LỢI

LÊ THỊ THANH



PHẠM GIA LÝ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, xây dựng, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; đường dây và lắp đặt trạm biến áp đến 35KV và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác, lắp đặt thiết bị và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Đầu tư và kinh doanh phát triển nhà, khu đô thị mới, khu, cụm công nghiệp, các dự án thủy điện vừa và nhỏ (thủy điện, nhiệt điện);
- Kinh doanh vật tư, máy móc phục vụ sản xuất và tiêu dùng; xăng, dầu, mỡ các loại, dịch vụ sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị, cho thuê thiết bị, máy công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với Dự án kinh doanh Bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Số 249 Hoàng Văn Thái, Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh Đầu tư và Xây dựng	Tầng 3, Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Chi nhánh Lào Cai	Số 14, đường Nguyễn Công Hoan, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
Chi nhánh Xây dựng Giao thông Licogi 14.8.	Tổ 1, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 130 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 128 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính của toàn Công ty.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ là chi phí tập hợp của những công trình xây lắp đang trong quá trình thi công và chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng, chi phí làm cơ sở hạ tầng của dự án bất động sản đang trong giai đoạn tiêu thụ sản phẩm

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho của hoạt động xây lắp được tính theo phương pháp đích danh, các loại hàng tồn kho khác tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất dài hạn

Tiền thuê đất dài hạn được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê đất.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số

điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của công ty là quyền sử dụng lâu dài không tính khấu hao.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: xăng dầu, đá từ khai thác mỏ đá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây lắp

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây lắp được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu kinh doanh bất động sản: chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Doanh thu kinh doanh bất động sản: chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán bằng ngoại tệ, lỗ tỉ giá hối đoái đánh giá cuối kỳ.

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.598.799.360	1.430.479.602
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.838.939.001	1.139.235.103
Cộng	7.437.738.361	2.569.714.705

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	666.009.751	666.009.751
- Công ty Cổ phần Cơ giới Xây Dựng 17	510.139.345	510.139.345
- Chi nhánh Tổng công ty Xây dựng & Phát triển Hạ tầng tại Quảng Ninh	30.837.500	30.837.500
Phải thu các khách hàng khác	28.660.395.956	41.736.830.080
- Ban Quản lý Dự án công trình Xây dựng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Phú Thọ, phường Tiên Cát, Tp. Việt Trì	5.609.059.000	6.559.059.000
- Ban Quản lý Dự án công trình xây dựng đô thị - Sở Xây dựng Lào Cai	5.100.207.000	3.033.521.281
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	4.590.406.713	4.590.406.713
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện Bắc Hà - Lào Cai	4.362.612.929	4.862.612.929
- xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai		
- Ban Quản lý Dự án công trình Giao Thông Lào Cai (Đường 151, 4E) – Tp. Lào Cai	2.531.438.000	6.831.438.000
- Sở Giao thông Vận tải Lào Cai (dự án 4D)	2.397.992.598	10.435.831.312
- Các đối tượng khác	4.068.679.716	5.548.993.751
Cộng	29.201.372.801	42.402.839.831

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	350.000.000	350.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	350.000.000	350.000.000
Trả trước cho người bán khác	3.723.037.375	1.993.558.943
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Thủy điện Miền Bắc	895.775.000	895.775.000
- Công ty TNHH USEM Việt Nam	871.533.000	-
- Công ty cổ phần Xây dựng và Quản lý Bảo trì đường bộ Sông Hồng - Hà Nội	553.000.000	-
- Công ty TNHH Hải Linh	409.405.630	532.628.992
- Các nhà cung cấp khác	993.323.745	565.154.951
Cộng	4.073.037.375	2.343.558.943

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	463.572.027	179.318.553
- Các khoản tạm ứng công trình và cá nhân khác	456.028.362	171.774.888
- Các khoản phải thu khác	7.543.665	7.543.665
Cộng	463.572.027	179.318.553

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>			-			-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		965.775.000	416.058.672		965.775.000	965.775.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Thủy điện Miền Bắc - Hà Nội (ứng trước phí tư vấn xây dựng thủy điện Bào Nhai)	Từ 2 - 3 năm	895.775.000	385.902.469		895.775.000	895.775.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Giao thông Lào cai - Tp.Lào Cai (ứng trước phí tư vấn xây dựng thủy điện Bào Nhai)	Từ 2 - 3 năm	70.000.000	30.156.203		70.000.000	70.000.000
Cộng		965.775.000	416.058.672		965.775.000	965.775.000

Tình hình biến động nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	(928.043.912)
Trích dự phòng trong kỳ	(549.716.328)	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	(549.716.328)	(928.043.912)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
6.1 Nguyên liệu, vật liệu	351.314.056	-	351.314.056	-
6.2 Công cụ, dụng cụ	4.092.545	-	4.092.545	-
6.3 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	330.849.165.503	(2.625.399.952)	370.685.452.831	-
6.4 Thành phẩm	76.745.521	-	203.888.305	-
6.5 Hàng hóa	799.126.904	-	1.008.163.387	-
Cộng	332.080.444.529	(2.625.399.952)	372.252.911.124	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

6.3 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang*Chi tiết công trình dở dang*

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Dự án Đô thị Minh Phương	310.948.746.774	-	342.152.964.667	-
- Công trình sân vận động Lào Cai	6.998.891.290	-	16.759.660.098	-
- Công trình Thủy điện Bảo Nhai (*)	4.612.461.934	(2.625.399.952)	-	-
- Công trình Quốc lộ 4E Lào Cai	4.105.242.129	-	2.858.507.514	-
- Các công trình khác	4.183.823.376	-	8.914.320.552	-
Cộng	330.849.165.503	(2.625.399.952)	370.685.452.831	-

(*) Công trình Thủy điện Bảo Nhai, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai trích lập dự phòng theo Biên bản số 290/BB-XLTTĐTTC của Công ty Cổ phần Licogi 14.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	12.292.008.481	54.548.315.342	22.100.557.601	66.672.727	89.007.554.151
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	12.292.008.481	54.548.315.342	22.100.557.601	66.672.727	89.007.554.151
<i>Trong đó:</i>					
Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	633.159.342	43.566.581.506	19.592.337.340	66.672.727	63.858.750.915
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.734.230.481	51.750.052.977	21.078.092.601	66.672.727	78.629.048.786
Khấu hao trong kỳ	378.114.000	712.931.000	188.570.000	-	1.279.615.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	6.112.344.481	52.462.983.977	21.266.662.601	66.672.727	79.908.663.786
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.557.778.000	2.798.262.365	1.022.465.000	-	10.378.505.365
Số cuối kỳ	6.179.664.000	2.085.331.365	833.895.000	-	9.098.890.365

Trong đó: giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 4.850.441.000 đồng (chi tiết xem thuyết minh mục V.16)

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.966.813.309	540.100.092	2.506.913.401
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	1.966.813.309	540.100.092	2.506.913.401
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	437.345.309	258.965.092	696.310.401
Khấu hao trong kỳ	38.676.000	29.502.000	68.178.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	476.021.309	288.467.092	764.488.401
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.529.468.000	281.135.000	1.810.603.000
Số cuối kỳ	1.490.792.000	251.633.000	1.742.425.000

Trong đó: giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 1.490.792.000 đồng (chi tiết xem thuyết minh mục V.16)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	59.506.000	-	59.506.000
Xây dựng cơ bản dở dang	4.612.461.934	-	4.612.461.934	-
- Công trình Thủy điện Bào Nhai	4.612.461.934	-	4.612.461.934	-
Cộng	4.612.461.934	59.506.000	4.612.461.934	59.506.000

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Tiền thuê đất dài hạn trả 1 lần (*)	Chi phí trả trước dài hạn khác	Cộng
Số dư đầu năm	3.002.854.221	79.579.927	3.082.434.148
- Tăng trong kỳ	-	73.490.000	73.490.000
- Phân bổ trong kỳ	30.957.260	116.324.927	147.282.187
Số dư cuối kỳ	2.971.896.961	36.745.000	3.008.641.961

(*) Là tiền thuê đất trả 1 lần của chi nhánh 14.8 Yên Bái, cửa hàng Thương mại dịch vụ tổng hợp tỉnh Yên Bái cho thời gian thuê là 50 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

11. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Số đầu năm	Khoản phát sinh tăng trong kỳ	Khoản phát sinh giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản	5.360.662.907	4.127.848.690	5.454.693.138	4.033.818.459
Cộng	5.360.662.907	4.127.848.690	5.454.693.138	4.033.818.459

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	385.318.591	385.318.591
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	211.028.383	211.028.383
- Công ty Cổ phần Licogi 13	174.290.208	174.290.208
Phải trả các nhà cung cấp khác	9.491.002.180	15.557.503.077
- Công ty Cổ phần Thịnh Cường	1.242.290.374	1.442.290.374
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Phúc Khánh	1.089.702.565	775.000.003
- Công ty TNHH MTV Vận tải Gia Thành	850.799.400	1.202.934.400
- Công ty TNHH MTV Thương mại Tổng hợp Thịnh Cường	711.111.000	934.778.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây Dựng & Thương mại Tân Á Châu	488.574.800	1.138.574.800
- Các nhà cung cấp khác	5.108.524.041	10.063.925.500
Cộng	9.876.320.771	15.942.821.668

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	208.135.342.924	280.161.564.453
- Các khách hàng của Dự án Minh Phương	206.853.451.233	272.261.039.357
- Ban QLDA Xây dựng Đô thị - Sở Xây dựng Lào Cai (CT Sân Vận động Lào Cai)	-	6.565.396.205
- Các khách hàng Khác	1.281.891.691	1.335.128.891
Cộng	208.135.342.924	280.161.564.453

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	254.228.332	-	3.348.947.230	(3.352.558.698)	250.616.864	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.975.533.348	-	5.380.048.444	(6.491.140.743)	1.864.441.049	-
- Thuế thu nhập cá nhân	9.576.068	-	21.250.000	(19.294.818)	11.531.250	-
- Thuế nhà đất	-	-	377.110.727	(377.110.727)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Cộng	3.239.337.748	-	9.136.356.401	(10.249.104.986)	2.126.589.163	-

14a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

14b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh thông thường	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Tổng cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	5.380.048.444	5.380.048.444
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (*)	-	5.380.048.444	5.380.048.444

(*) Chi tiết tính thuế thu nhập doanh nghiệp xem thuyết minh mục VI.7

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	40.434.412	31.936.082
- BHXH, BHYT, BHTN còn phải nộp	214.321.501	102.220.074
- Các khoản nhận đặt chỗ các lô đất dự án Minh Phương	8.457.732.000	-
- Phải trả khác	3.425.093.025	7.537.066.106
Cộng	12.137.580.938	7.671.222.262

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	32.685.815.535	32.685.815.535	40.283.616.000	40.283.616.000
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ ⁽¹⁾	17.171.887.135	17.171.887.135	30.370.442.800	30.370.442.800
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Việt Trì ⁽²⁾	5.263.928.400	5.263.928.400	1.663.173.200	1.663.173.200
- Vay cá nhân ⁽³⁾	10.250.000.000	10.250.000.000	8.250.000.000	8.250.000.000
Cộng	32.685.815.535	32.685.815.535	40.283.616.000	40.283.616.000

⁽¹⁾ Là khoản vay tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 01/2017/399127/ HĐTD ngày 25 tháng 05 năm 2017.

- Hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/05/2018;

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh;

- Lãi suất vay được quy định từng lần trên các khế ước nhận nợ;

- Vay thế chấp, Tài sản thế chấp bao gồm:

+ Tài sản thứ nhất: Trụ sở công ty và các công trình phụ trợ gắn liền với đất thuê tại Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

+ Tài sản thứ hai: Cửa hàng Xăng dầu Bến Gót 1 và các công trình phụ trợ gắn liền với đất thuê tại Phường Bến Gót, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Tài sản thứ ba: Xưởng sửa chữa và các công trình phụ trợ gắn liền với đất thuê.

+ Tài sản thứ tư: Quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 522281 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25/11/2013, theo quyết định số 3021/QĐ_UBND ngày 25/11/2013, vào sổ GCN số CT04084.

+ Tài sản thứ năm: Quyền sử dụng đất của bên thế chấp đối với thửa đất theo giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 522282 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25/11/2013, theo quyết định số 3021/QĐ_UBND ngày 25/11/2013, vào sổ GCN số CT04083.

+ Và tài sản thế chấp là phương tiện vận tải theo hợp đồng thế chấp số 03/2014/399127/HĐBĐ ngày 15/08/2014.

⁽²⁾ Là khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 86518.16.353.481123.TD ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Việt Trì.

- Phương thức cho vay: Cho vay theo món ngắn hạn;

- Số tiền vay: 8.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn vay đến hết ngày 28/02/2017;

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn thực hiện dự án “Cải tạo cảnh quan Khu đô thị Minh Phương”;

- Lãi suất vay được quy định từng lần trên các khế ước nhận nợ;

- Tài sản đảm bảo: 03 bất động sản tại thửa đất số 668, 670 và 671; tờ bản đồ số 3 tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số BO 217087, BO 217084 và BO 217086 do UBND tỉnh Phú Thọ cấp ngày 25 tháng 11 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

⁽³⁾ Là khoản vay các nhân với lãi suất là 9%/năm, mục đích bổ sung vốn lưu động.**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	32.033.616.000	9.127.963.535	18.725.764.000	22.435.815.535
Vay ngắn hạn các cá nhân	8.250.000.000	2.000.000.000	-	10.250.000.000
Cộng	40.283.616.000	11.127.963.535	18.725.764.000	32.685.815.535

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận/khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.557.490.076	1.880.218.500	(273.700.000)	8.164.008.576
Cộng	6.557.490.076	1.880.218.500	(273.700.000)	8.164.008.576

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	26,42	13.207.690.000	26,42	13.207.690.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	73,58	36.792.310.000	73,58	36.792.310.000
Cộng	100,00	50.000.000.000	100,00	50.000.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	50.000.000.000
Vốn điều lệ đã góp:	50.000.000.000
Vốn điều lệ còn phải góp:	50.000.000.000

18c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	34.480.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	34.480.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

18d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	200	200
- Cổ phiếu phổ thông	200	200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.999.800	4.999.800
- Cổ phiếu phổ thông	4.999.800	4.999.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/CP)	10.000	10.000

18e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ đầu tư phát triển	11.598.104.961	-	-	11.598.104.961
Cộng	11.598.104.961	-	-	11.598.104.961

18f. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty chưa phân phối lợi nhuận, và tạm phân phối lợi nhuận của năm 2016 vào việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 1.880.218.500 đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28 tháng 03 năm 2017.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

<i>Tổng doanh thu</i>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bất động sản	102.458.587.023	34.857.503.638
- Doanh thu bán Xăng, dầu	22.101.511.830	18.847.384.056
- Doanh thu xây lắp	17.073.981.280	29.054.062.196
- Doanh thu khác	47.500.000	179.925.546
Cộng	141.681.580.133	82.938.875.436

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn bất động sản	55.966.205.925	18.627.976.579
- Giá vốn bán Xăng, dầu	20.424.492.852	17.571.938.350
- Giá vốn xây lắp	17.045.358.116	28.932.246.454
- Chi phí dự phòng hàng tồn kho	2.625.399.952	-
- Giá vốn khác	-	120.162.934
Cộng	96.061.456.845	65.252.324.317

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

3. Doanh thu hoạt động tài chính
Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.**4. Chi phí hoạt động tài chính**

Toàn bộ chi phí lãi vay ngân hàng và lãi vay cá nhân.

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	2.566.418.873	945.740.630
- Chi phí vật liệu, bao bì	7.843.840	243.810
- Chi phí khấu hao	240.192.000	250.068.000
- Chi phí bằng tiền khác	4.239.210.684	786.129.579
Cộng	<u>7.053.665.397</u>	<u>1.982.182.019</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	1.563.302.706	1.090.542.024
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	515.122.000	721.099.000
- Thuế, phí và lệ phí	237.298.879	4.000.000
- Chi phí dự phòng	549.716.328	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	368.690.937	480.696.586
- Chi phí bằng tiền khác	487.344.789	551.255.150
Cộng	<u>3.721.475.639</u>	<u>2.847.592.760</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh thông thường	Hoạt động kinh doanh Bất động sản	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(428.800.838)	33.534.464.460	33.105.663.622
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm khi xác định lợi nhuận chịu thuế	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(428.800.838)	33.534.464.460	33.105.663.622
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	-
Thuế TNDN phải nộp năm nay	-	6.706.892.892	6.706.892.892
- Thuế TNDN tạm nộp từ kinh doanh BĐS (1%)	-	2.463.713.426	2.463.713.426
- Điều chỉnh thuế TNDN tạm nộp năm 2015	-	1.664.135.264	1.664.135.264
- Thuế TNDN điều chỉnh giảm từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	(5.454.693.138)	(5.454.693.138)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	5.380.048.444	5.380.048.444

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ những khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.127.848.690)	(219.426.380)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.454.693.138	731.139.000
Cộng	<u><u>1.326.844.448</u></u>	<u><u>511.712.620</u></u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.398.770.730	9.000.022.186
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông :	(1.880.218.500)	(1.800.004.437)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ⁽¹⁾	(1.880.218.500)	(1.800.004.437)
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.518.552.230	7.200.017.749
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm ⁽²⁾	4.999.800	3.448.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	4.904	2.088

(1) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ này là khoản trích 10% mức vượt lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch của năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28 tháng 03 năm 2017.

(2) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.999.800	3.448.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại/phát hành thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.999.800	3.448.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.398.770.730	9.000.022.186
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	(1.880.218.500)	(1.800.004.437)
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ⁽¹⁾	(1.880.218.500)	(1.800.004.437)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.518.552.230	7.200.017.749
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu ⁽²⁾	4.999.800	3.448.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.904	2.088

(1) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ này là khoản trích 10% mức vượt lợi nhuận thực hiện so với lợi nhuận kế hoạch của năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 28 tháng 03 năm 2017.

(2) Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.999.800	3.448.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
- Trái phiếu chuyển đổi	-	-
- Các quyền chọn đã được mua	-	-
- Quyền chọn bán đã phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.999.800	3.448.000

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.471.736.099	13.338.993.833
- Chi phí nhân công	9.299.043.043	9.172.347.300
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	990.637.000	1.509.402.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.086.175.302	3.187.788.027
- Chi phí khác	6.409.822.893	1.133.914.889
Cộng	23.257.414.337	28.342.446.049

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)**1. Nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập	718.536.364	770.530.906
Cộng	718.536.364	770.530.906

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Tổng Công ty Xây dựng & Phát triển Hạ tầng Licogi	Cùng Tổng công ty Licogi
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 10	Cùng Tổng công ty Licogi
- Công ty Cổ phần Cơ giới Xây dựng 17	Cùng Tổng công ty Licogi
- Chi nhánh Tổng Công ty Xây Dựng & Phát triển Hạ tầng tại Quảng Ninh	Cùng Tổng công ty Licogi
- Công ty Cổ phần Licogi 13	Cùng Tổng công ty Licogi
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện Bắc Hà	Cùng Tổng công ty Licogi
- Công ty Cổ phần Licogi 19	Cùng Tổng công ty Licogi
- Công ty Cổ phần Tư vấn Licogi	Cùng Tổng công ty Licogi
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	Cùng Tổng công ty Licogi

Các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch với Công ty và số dư đã được trình bày tại Thuyết minh mục V.2, V.3, V.12.

3. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**• Kỳ này**

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Bất động sản	102.458.587.023	55.966.205.925	46.492.381.098	45,38%
Xăng dầu	22.101.511.830	20.424.492.852	1.677.018.978	7,59%
Xây lắp	17.073.981.280	17.045.358.116	28.623.164	0,17%
Hoạt động khác	47.500.000	-	47.500.000	100,00%
Cộng	141.681.580.133	93.436.056.893	48.245.523.240	34,05%

• Kỳ trước

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Bất động sản	34.857.503.638	18.627.976.579	16.229.527.059	46,56%
Xăng dầu	18.847.384.056	17.571.938.350	1.275.445.706	6,77%
Xây lắp	29.054.062.196	28.932.246.454	121.815.742	0,42%
Hoạt động khác	179.925.546	120.162.934	59.762.612	33,22%
Cộng	82.938.875.436	65.252.324.317	17.686.551.119	21,32%

- Khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin so sánh

Số liệu cuối năm trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày lại thành số liệu đầu năm trên báo cáo cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư cuối năm trên báo cáo năm trước	Số dư đầu năm trên báo cáo kỳ này	Chênh lệch
		[1]	[2]	
Nguồn vốn				
<i>D. Vốn chủ sở hữu</i>		<i>90.154.329.390</i>	<i>90.154.329.390</i>	-
Cổ phiếu quỹ	415	-	(2.000.000)	(2.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	27.715.535.429	27.717.535.429	2.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		445.241.988.710	445.241.988.710	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Địa chỉ: Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay và được trình bày ở Thuyết minh V.16. Giá trị còn lại của tài sản thế chấp tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 6.341.233.000 đồng.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Phú Thọ, ngày 11 tháng 08 năm 2017.

Người lập biểu



HÀ VĂN LỢI

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THANH

Tổng Giám đốc



PHẠM GIA LÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN LICOGI 14

Số 2068 đại lộ Hùng Vương, phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
1	2	3	4	5	6	7
1. Số dư đầu năm trước	34.480.000.000	840.689.000	-	8.903.535.278	23.679.568.968	67.903.793.246
2. Tăng trong năm trước	15.520.000.000	-	(2.000.000)	2.694.569.683	26.947.696.827	45.160.266.510
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	-	26.945.696.827	26.945.696.827
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	15.520.000.000	-	-	-	-	15.520.000.000
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	(2.000.000)	2.694.569.683	-	2.692.569.683
- Tăng khác	-	-	-	-	2.000.000	2.000.000
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(22.909.730.366)	(22.909.730.366)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(2.694.569.683)	(2.694.569.683)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.694.569.683)	(2.694.569.683)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	(15.520.000.000)	(15.520.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(2.000.591.000)	(2.000.591.000)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	50.000.000.000	840.689.000	(2.000.000)	11.598.104.961	27.717.535.429	90.154.329.390
5. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	26.398.770.730	26.398.770.730
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	26.398.770.730	26.398.770.730
6. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(1.880.218.500)	(1.880.218.500)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.880.218.500)	(1.880.218.500)
7. Số dư cuối kỳ	50.000.000.000	840.689.000	(2.000.000)	11.598.104.961	52.236.087.659	114.672.881.620

Người lập biểu



HÀ VĂN LỢI

Kế toán trưởng



LÊ THỊ THANH

Phú Thọ, ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
LICOGI 14

PHẠM GIA LÝ



Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính